

NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI VỚI VIỆC BẢO TỒN VÀ TRUYỀN BÁ VĂN HÓA DÂN TỘC

Trần Ngọc Thêm

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: Bài viết đề cập đến các nội dung: (1) Người Việt Nam ở nước ngoài với việc bảo tồn văn hóa dân tộc; (2) Người Việt Nam ở nước ngoài với việc truyền bá văn hóa dân tộc; (3) Các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước và những đề xuất. Đây là báo cáo trình bày tại Hội nghị người Việt Nam ở nước ngoài lần thứ hai với chủ đề “Tầm nhìn đến năm 2020 – Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập và phát triển cùng đất nước” tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh trong các ngày 27-28/9/2012.

Từ khóa: người Việt Nam ở nước ngoài, văn hóa dân tộc, bảo tồn và truyền bá văn hóa.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là nhân tố đóng một vai trò rất đặc biệt trong việc bảo tồn và truyền bá văn hóa dân tộc. Mục này sẽ lần lượt tìm hiểu về vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài trong hai chức năng ấy, sau đó sẽ đi qua các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước và những đề xuất của chúng tôi.

1. NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI VỚI VIỆC BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC

Mới nhìn, có thể nghĩ rằng chỉ có người Việt trong nước, với sứ mệnh là chủ thể chính, mới có thể bảo tồn tốt văn hóa dân tộc. Song đó là một ngộ nhận. Người Việt Nam ở nước ngoài cũng có những lợi thế riêng trong việc bảo tồn văn hóa mà người Việt trong nước không có. Ở đây có thể phân biệt hai dạng là bảo tồn thụ động và bảo tồn chủ động.

1.1. Bảo tồn thụ động

Do hoàn cảnh mà người Việt hải ngoại bắt buộc phải sống xa quê, ở vùng biên viễn của không gian văn hóa Việt Nam. Nhưng chính cái vị trí biên viễn đó lại trở thành một lợi thế bất đắc dĩ trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc.

Sở dĩ như vậy là vì văn hóa tuy có tính ổn định cao nhưng cùng với thời gian, không có gì là không biến đổi. Đặt thời gian trong quan hệ với không gian sẽ nổi lên một quy luật là văn hóa của những cộng đồng nằm ở vị trí càng xa trung tâm thì càng chậm biến đổi và do vậy càng được bảo tồn tốt.

Người Việt và người Mường vốn cùng một gốc và mới chỉ tách ra thành hai tộc người độc lập vào khoảng thế kỷ VII sau công nguyên. Chính nhờ vị trí biên mà đến nay, rất nhiều phong tục tập quán, lối sống, ngôn ngữ, v.v. của người Việt trước thế kỷ VII vẫn còn đang được bảo lưu rất tốt trong văn hóa Mường.

Tương tự như vậy, cộng đồng người Việt Nam định cư ở Pháp là nơi lưu giữ rất tốt nhiều

nét phong tục tập quán, lối sống, ngôn ngữ, ký ức, v.v. về văn hóa Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng những năm 40-50 của thế kỷ XX. Cộng đồng người Việt Nam định cư ở Mỹ, Úc... là nơi lưu giữ rất tốt những nét phong tục tập quán, lối sống, ngôn ngữ, ký ức, v.v. về văn hóa miền Nam nói chung và Sài Gòn nói riêng trong những năm 60-70. Cộng đồng người Việt Nam định cư ở các nước Đông Âu thuộc khối Xã hội chủ nghĩa cũ là nơi lưu giữ rất tốt những nét phong tục tập quán, lối sống, ngôn ngữ, ký ức, v.v. về văn hóa Việt Nam thời bao cấp.

1.2. Bảo tồn chủ động

Một quy luật thứ hai là con người dù là thuộc bất kỳ dân tộc nào, càng ở xa quê bao nhiêu thì càng đau đáu nhớ về cội nguồn bấy nhiêu, càng chủ động và tự nguyện đóng góp vào việc bảo tồn văn hóa dân tộc bấy nhiêu.

Hơn bốn triệu kiều bào sinh sống tại 103 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới hiểu rõ rằng việc bảo tồn văn hóa dân tộc này là bảo tồn cho chính mình và con cháu mình. Bởi vậy mà người Việt dù sống ở đâu cũng luôn cố gắng tạo ra một không gian văn hóa riêng mang đậm chất Việt Nam với những giá trị tinh thần như hoạt động thờ cúng ông bà, tổ chức ngày Tết truyền thống, sinh hoạt dòng họ... và những giá trị vật chất như áo dài, nón lá, rau

muống, dưa cà, canh mồng toi, đôi khi còn có cả thịt chó, tiết canh, mắm tôm... Đặc biệt, các cộng đồng người Việt ở nước ngoài đều quan tâm dạy tiếng Việt cho con cháu, hiểu rõ rằng tiếng Việt chính là linh hồn của văn hóa Việt. Tiếng Việt luôn được cụ thể hóa qua những câu ca dao, tục ngữ, truyện kể; những làn điệu dân ca, bài hát, những trích đoạn tuồng, chèo, cải lương...

Văn hóa dân tộc không chỉ được bảo tồn chủ động theo cách tổ chức hoạt động, mà còn theo cách tìm hiểu nghiên cứu.

Trước hết phải kể đến đóng góp của giới nghiên cứu văn hóa chuyên nghiệp như giáo sư Kim Định (1915-1997), người đã viết 12 cuốn sách tìm hiểu về văn hóa Việt Nam trong thời gian 22 năm từ sau năm 1975 đến khi mất tại Mỹ (bình luận về đóng góp của Kim Định, xin xem [Trần Ngọc Thêm 2012a]); các vị như giáo sư Hoàng Xuân Hãn (1908-1996), giáo sư Lê Thành Khôi, giáo sư Nguyễn Thế Anh ở Pháp trong lĩnh vực sử học; giáo sư Nguyễn Đình Hoà (1924-2000), giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch (1921-2003), giáo sư Trần Ngọc Ninh ở Mỹ trong lĩnh vực ngôn ngữ và văn chương. Ở California (Mỹ), giới nghiên cứu còn thành lập cả một Viện Việt học để nghiên cứu, quảng bá và giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.



Hình 1. Một số sách, tạp chí của người Việt Nam ở nước ngoài nghiên cứu nghiệp dư về văn hóa dân tộc

Đáng nói hơn là trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài có một số lượng lớn những người quan tâm nghiên cứu văn hóa Việt Nam theo kiểu nghiệp dư. Trong nước cũng có những người nghiên cứu văn hóa nghiệp dư nhưng, so với trong nước, lực lượng này ở nước ngoài đông đảo hơn nhiều, chính là bởi do họ ở xa quê nên trong tâm thức lúc nào cũng đau đáu nhớ về cội nguồn mà họ đã chủ động và tự nguyện đem hết thời gian rảnh rỗi và bỏ thêm không ít tiền của đóng góp vào tìm hiểu nghiên cứu văn hóa dân tộc. Số lượng công trình loại này khá nhiều, ở đây chỉ xin đơn cử làm ví dụ một số tác phẩm như: “*Nền tảng văn hóa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh*” là luận án Tiến sĩ của giáo sư vật lý Lê Văn Hóa làm việc tại Đại học Y khoa Chicago

(Nxb Hà Nội, 1996, 390 tr., in lần 2); “*Khai quật kho tàng cổ sử Hùng Việt*” của bác sĩ Nguyễn Xuân Quang ở Mỹ (Anaheim, Y học thường thức xb, 1999, 617 tr); “*Tìm về nguồn gốc văn minh Việt Nam dưới ánh sáng mới của khoa học*” của luật sư Cung Đình Thanh ở Úc (Sydney, Nxb Tư tưởng, 2003, 627 tr.); tập sách “*Đạo sống Việt*” của nhóm Việt Thường ở Mỹ (Houston, 2000, 514 tr.); bộ “*Từ điển Tiếng Huế*” 2 tập dày 1.000 trang của bác sĩ Bùi Minh Đức ở Mỹ (Tp. HCM, Nxb Văn Học, 2004); các tạp chí Nhịp sống, Tư tưởng, Tư tưởng Việt, Triết, v.v. (hình 1).

2. NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI VỚI VIỆC TRUYỀN BÁ VĂN HÓA DÂN TỘC

2.0. Nói đến truyền bá là nói đến việc đưa văn hóa Việt Nam giới thiệu ra thế giới. Người Việt Nam ở nước ngoài – cả nhóm sống định cư lẫn nhóm sống có thời hạn – có bốn lợi thế rất lớn trong việc truyền bá văn hóa mà cộng đồng người Việt ở trong nước không thể nào có được:

(1) Thứ nhất là người Việt Nam ở nước ngoài *hiểu rõ* hơn người trong nước về những *nhu cầu, cách nghĩ của người nước ngoài sở tại* để có thể lựa chọn “thực đơn” văn hóa và cách thức truyền bá văn hóa phù hợp nhất;

(2) Thứ hai là người Việt Nam ở nước ngoài *rất giỏi về ngôn ngữ của nước sở tại* để có thể diễn đạt chính xác nội dung văn hóa, thường là rất phức tạp, cần truyền bá;

(3) Thứ ba là người Việt Nam ở nước ngoài *có tư cách khách quan hơn*, và do vậy, trong nhiều trường hợp *được xem là đáng tin cậy hơn*, trong việc giới thiệu và truyền bá văn hóa dân tộc; một số người đảm trách những công việc rất thuận tiện cho việc truyền bá văn hóa dân tộc;

(4) Thứ tư là người Việt Nam ở nước ngoài không chỉ truyền bá mà luôn có thể *có điều kiện để đối thoại, giải đáp mọi thắc mắc của người nước ngoài sở tại*, khiến cho việc truyền bá văn hóa trở nên có hiệu quả cao.

2.1. Truyền bá chủ động

Có rất nhiều học giả là người Việt Nam ở nước ngoài đã góp phần quan trọng trong việc truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Giáo sư Trần Văn Khê (hình 2.1) với tư cách là thành viên của Hội đồng Âm nhạc

Quốc tế thuộc UNESCO, Hội đồng Quốc tế Âm nhạc Truyền thống, Hội đồng Quốc tế Giáo dục Âm nhạc, Hội đồng Quốc tế Nghiên cứu Âm nhạc, v.v. đã có điều kiện rất thuận tiện để giới thiệu âm nhạc cổ truyền Việt Nam ra khắp thế giới thông qua các bài viết, bài giảng, đĩa hát, đĩa CD do ông thực hiện. Ông là người được UNESCO giao nhiệm vụ tham gia đánh giá hồ sơ về Nhã nhạc Cung đình Huế và Không gian Văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên (lần lượt được công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại vào năm 2003 và 2005), hồ sơ về Ca trù được công nhận là Di sản truyền khẩu và phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp năm 2009.

Giáo sư Trần Văn Khê có kể lại rằng vào năm 1964, ông được mời tham dự một buổi sinh hoạt thường lệ do Hội Truyền bá thơ Tanka Nhật Bản tổ chức tại Paris. Diễn giả hôm đó đã mở đầu bài thuyết trình của mình bằng câu: “Tôi là thủy sư đề đốc, đã sống ở Việt Nam 20 năm mà không thấy một áng văn nào đáng kể. Nhưng khi sang Nhật Bản, chỉ trong vòng một - hai năm, tôi đã thấy cả một rừng văn học, trong đó Tanka là một đóa hoa tuyệt đẹp”. Cuối buổi họp, giáo sư Khê đứng dậy đặt câu hỏi: “Thưa ngài, chẳng biết khi ngài qua nước Việt, ngài chơi với ai mà ngài không biết một áng văn nào của Việt Nam?... Phải chi ngài chơi với ông giáo sư Emile Gaspardone thì ngài sẽ biết đến một thư mục mà giáo sư [này] đã in ra trong Tạp chí Trường Viễn Đông Bác Cổ của Pháp (Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient) số 1-1934, một thư mục gồm có trên 1.500 sách báo về

văn chương Việt Nam. Hay nếu ngài gặp ông Maurice Durand, thì hẳn ngài đã có dịp đọc qua hàng ngàn câu ca dao Việt Nam mà ông Durand đã cất công sưu tập... Nếu ngài làm bạn với những người như vậy, ngài sẽ biết rằng, nước tôi không phải chỉ có một áng văn mà hàng ngàn áng văn kiệt tác”. Nghe xong, ông thầy sư đề đốc đỏ mặt, đến trước mặt giáo sư Khê cúi đầu xin lỗi [Trần Văn Khê 2007]. Trong những tình huống như thế, nếu không có những người Việt Nam ở nước ngoài đứng ra bảo vệ, giải thích và truyền bá thì văn hóa Việt Nam đã thiệt thòi biết bao nhiêu!

Một nhà nghiên cứu âm nhạc lớp sau là giáo sư Nguyễn Thuyết Phong (hình 2.2), tốt nghiệp tiến sĩ dân tộc học âm nhạc tại Paris năm 1984, rồi sang Mỹ giảng dạy âm nhạc châu Á ở hơn 20 trường đại học, là Ủy viên Hội đồng Nghệ thuật Quốc gia Mỹ, nhờ những nỗ lực đưa âm nhạc Việt Nam trở thành một phần di sản văn hóa Mỹ mà đã được Chính phủ Mỹ vinh danh là Tài sản quốc gia của nước Mỹ [Tiền Phong 2009].

Mấy chục năm gần đây, dòng phim do các đạo diễn Việt kiều được đào tạo một cách bài bản thực hiện, với các cảnh quay đẹp, kỹ thuật dàn dựng công phu, âm thanh chuẩn mực, đã góp phần rất quan trọng trong việc đưa văn hóa và con người Việt Nam ra thế giới (hình 2.4-5). Thuộc dòng này, có thể kể đến các bộ phim nổi tiếng như: “*Mùi đu đủ xanh*” của đạo diễn Trần

Anh Hùng sản xuất năm 1993, đoạt Giải Camera Vàng cho phim đầu tay xuất sắc nhất tại Liên hoan phim Cannes (Pháp); “*Xích lô*” của cùng tác giả, sản xuất năm 1995, đoạt giải Sư tử vàng tại Liên hoan phim Venezia (Ý); “*Ba mùa*” của đạo diễn Tony Bùi, sản xuất năm 1999, đoạt Giải thưởng lớn (Grant Prize) tại Liên hoan phim quốc tế Sundance (Mỹ); “*Mùa len trâu*” của đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh - một tiến sĩ vật lý tại Mỹ, sản xuất năm 2003, đoạt bốn giải thưởng tại các Liên hoan phim quốc tế, trong đó có Giải thưởng lớn tại Liên hoan phim Amiens (Pháp); “*Thời xa vắng*” của đạo diễn Hồ Quang Minh, sản xuất năm 2004, đoạt Giải Nữ diễn viên xuất sắc tại Liên hoan phim quốc tế tại Singapore, giải Âm thanh tại Liên hoan phim quốc tế Thượng Hải; “*Áo lụa Hà Đông*” của đạo diễn Lưu Huỳnh, sản xuất năm 2006, đoạt Giải thưởng do khán giả bình chọn tại Liên hoan phim quốc tế Pusan (Hàn Quốc), giải Cánh diều vàng (Việt Nam) hạng mục phim truyện nhựa xuất sắc nhất; “*Dòng máu anh hùng*” của đạo diễn Charlie Nguyễn, sản xuất năm 2007, đoạt Giải khán giả tại Đại hội Điện ảnh Việt Nam Quốc tế, Giải thưởng lớn của Ban giám khảo tại Liên hoan phim Visual Communications (Los Angeles). Năm nay, đáng chú ý có bộ phim tài liệu “*Chợ tình*” của đạo diễn người Pháp gốc Việt Phillipe Rostan dự tranh giải “Xích lô vàng” tại Liên hoan phim châu Á Vesoul 2012 (Pháp).



Hình 2. (1) GS. Trần Văn Khê; (2) GS. Nguyễn Thuyết Phong; (3-5) Áp-phích một số phim của các đạo diễn Việt kiều; (6) Phở Việt Nam ở nước ngoài.

Không chỉ giới thiệu văn hóa nghệ thuật Việt Nam ra thế giới, người Việt Nam ở nước ngoài còn thành công trong việc đưa văn hóa vật chất, trong đó đáng kể nhất là văn hóa ẩm thực của Việt Nam ra thế giới. “Phở Hòa” hình thành ở Sài Gòn (260C Pasteur) từ thập niên 60-70, nhờ biết kịp thời đăng ký thương hiệu ở Mỹ mà nhanh chóng phát triển thành một hệ thống lan tỏa khắp thế giới. Bên cạnh Phở Hòa, món phở Việt Nam truyền thống với hàng loạt tên gọi khác như Phở Báy, Sài Gòn, Little Sài Gòn, Little Hà Nội, Hoa Sen, Hòa Bình, Xích Lô, Áo Dài... xuất hiện ở khắp các thành phố trên thế giới (hình 2.6). Thủ đô Manila của Philippines có ít nhất 16 quán phở, trong đó riêng mạng lưới Phở Hòa đã có 11 nhà hàng. Tại Seoul (Hàn Quốc), mạng lưới Phở Hòa

hiện đã có 24 tiệm, có giá cao gấp đôi một bữa ăn bình dân mà được người Hàn Quốc rất yêu thích. Ở một thành phố vệ tinh của Seoul là Ansan còn có cả tiệm “Phở Việt Nam truyền thống” của một người Thái Lan [Quang Thi 2007].

2.2. Truyền bá thụ động

Bên cạnh những nỗ lực truyền bá văn hóa Việt Nam một cách chủ động, thì bản thân những con người Việt Nam sống ở nước ngoài đã là những vật mang văn hóa dân tộc, bởi vậy mà mọi *công việc, hành động, cùng sự thành đạt* của họ chính là cách truyền bá, giới thiệu hình ảnh con người và văn hóa Việt Nam một cách *trực quan nhất*, mang lại hiệu quả *có sức thuyết phục nhất*.

Trong **lĩnh vực chính trị**, có ông Philipp Roesler (hình 3.1), người Đức gốc Việt 38 tuổi, tháng 5-2011 đã được bầu làm chủ tịch Đảng Dân chủ tự do (FDP) và giữ chức Phó thủ tướng Đức [VTC News 2011]. Ở Mỹ có luật sư Joseph Cao Quang Ánh (hình 3.2) là người Việt Nam đầu tiên đắc cử nghị sĩ tại Hạ viện Mỹ nhiệm kỳ 2009-2011, đại diện cho vùng New Orleans, được báo chí Mỹ đánh giá là ngôi sao đang lên của đảng Cộng hòa [VietNamNet 2008].

Trong **lĩnh vực khoa học**, ước tính có khoảng trên 300 nghìn người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ từ đại học trở lên. Trong đó có hơn sáu nghìn tiến sĩ và hàng trăm trí thức có tên tuổi được đánh giá cao, nhiều người đã nắm giữ những vị trí quan trọng trong các viện nghiên cứu, trường đại học, công ty và các tổ chức quốc tế. Riêng tại Mỹ số trí thức ước tính đã có tới khoảng trên 150 nghìn người. Riêng ở Cục Quản trị Hàng không và Không gian Quốc gia (NASA = *National Aeronautics and Space Administration*), đã có chừng 200 nhà khoa học

người Mỹ gốc Việt làm việc [Trần Trọng Đăng Đàn 1997: 125]. Giáo sư Trịnh Xuân Thuận, nhà vật lý thiên văn người Mỹ gốc Việt đã nhận giải Kalinga của UNESCO năm 2011 về công lao phổ biến khoa học.

Trong **lĩnh vực công nghệ**, Phó Chủ tịch phụ trách nhóm điều hành kinh doanh toàn cầu của tập đoàn máy tính IBM hiện nay là ông Dzung T. Bùi (Bùi Tiến Dũng, hình 48.3), người Mỹ gốc Việt [VTC News 2011]. Phó Chủ tịch cấp cao của Tập đoàn *Yahoo!* toàn cầu hiện nay là ông Lương Vĩnh Tước (hình 48.4) quê ở Vĩnh Long [Tuổi Trẻ 2008]. Ông Nguyễn Văn Sơn sinh ở Sài Gòn, làm cho hãng máy tính IBM từ năm 1981 đến nay đã có trên 100 phát minh, 44 bằng sáng chế và đã giành được 12 giải thưởng của IBM, trong đó có bằng sáng chế về bộ nhớ máy tính đem về cho IBM hàng chục triệu đô la lợi nhuận [Tiền Phong 2008].



Hình 3. (1) Philipp Roesler, Phó thủ tướng Đức; (2) Joseph Cao, nghị sĩ Hạ viện Mỹ; (3) Dzung T. Bùi, Phó Chủ tịch tập đoàn IBM; (4) Lương Vĩnh Tước, Phó Chủ tịch cấp cao Tập đoàn Yahoo! toàn cầu; (5) Thúy Vũ, phóng viên Đài truyền hình CBS; (6) Betty Nguyễn, phóng viên Hãng CNN và Đài CBS; (7) Leyna Nguyễn, giải thưởng “Phụ nữ của năm 2011”; (8) Natalie Trần, “Nữ hoàng YouTube”.

Trong *lĩnh vực truyền thông*, có nhiều gương mặt sáng giá là phụ nữ gốc Việt. Thúy Vũ (hình 3.5) là nữ phóng viên gốc Việt của Đài truyền hình CBS, từng đoạt giải *Nữ phóng viên phát thanh và truyền hình xuất sắc nhất*, được độc giả Tuần báo châu Á (*Asia Week*) bình chọn là *Phóng viên truyền hình người Mỹ gốc Á được yêu thích nhất* [Dân trí 2008]. Betty Nguyễn (hình 3.6) là nữ phóng viên gốc Việt của Hãng truyền thông CNN, chuyên dẫn chương trình khi có các sự kiện quan trọng, được mệnh danh là người của những điểm nóng. Năm 2007, cô được giao làm giám đốc một chương trình tin tức phủ sóng khắp nước Mỹ; năm 2008 tạp chí *Maxim* bầu chọn cô là một trong mười giám đốc chương trình truyền hình “hot” nhất tại Mỹ. Sau sáu năm làm việc

tại CNN, Betty Nguyễn chuyển sang làm việc tại Đài truyền hình CBS. Năm 2011, báo *The Huffington Post* bình chọn Betty là một trong mười “phóng viên và người dẫn chương trình phong cách nhất” [Hoàng Đình 2012]. Leyna Nguyễn (hình 3.7) sinh năm 1969, từng là hoa hậu người Mỹ gốc Á (*Miss Asia*) năm 1987, là người dẫn chương trình thời sự và phóng viên truyền hình tại Los Angeles (California). Năm 2000 cô được bình chọn là một trong 25 người Mỹ gốc Việt có ảnh hưởng nhất tại Mỹ; với những đóng góp trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và cộng đồng. Năm 2011 cô được Nghị viện bang California trao tặng giải thưởng “Phụ nữ của năm 2011” (*Woman of the Year 2011*) [vi.wikipedia.org/wiki/ Leyna_Nguyễn]. Cô Natalie Trần ở Úc (tên Việt là Trần Đình Tố

Hân, hình 3.8), sinh năm 1987, nhiều năm qua được thế giới biết đến nhờ hàng trăm đoạn phim video do cô sản xuất và chia sẻ trên YouTube. Đến năm 2011, những đoạn phim của cô đã thu hút số lượt người xem kỷ lục là hơn 320 triệu lượt người. Cô được báo chí Úc mệnh danh là “Nữ hoàng YouTube” (*Queen of YouTube*) [Huy Ngọc 2011].

Báo chí nước ngoài từng nhiều lần ca ngợi tài năng **thần đồng** của các em học sinh gốc Việt. Gần đây, vào năm 2011, cậu bé người Mỹ gốc Việt 12 tuổi Nguyễn Tường Khang vừa được Trường đại học ở bang Virginia mời làm giáo viên thỉnh giảng về môn thuyết trình hùng biện mỗi tuần bốn giờ. Còn cô bé người Australia gốc Việt sáu tuổi Jacquelyn Ngô được đánh giá là thần đồng hội họa nhí qua những cuộc triển lãm tranh cá nhân tại Liverpool và Sydney và đang được các nhà phê bình mỹ thuật quốc tế đặt rất nhiều kỳ vọng [VTC News 2011].

3. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT

3.1. Trở lên, mục này đã chỉ ra những khả năng và cách thức mà cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã tham gia đóng góp trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc và thực hiện xuất sắc sứ mệnh là người đại sứ nhân dân, làm cây cầu nối không thể thay thế được trong việc truyền bá văn hóa Việt Nam đến với cộng đồng thế giới. Phần lớn các cộng đồng và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài thành đạt có lẽ đều hiểu rõ rằng nguồn mạch văn hóa Việt Nam không chỉ là động lực tinh thần tiếp sức

cho họ nơi đất khách, mà còn là nguồn sức mạnh đặc thù tạo nên cái vị thế riêng giúp họ giao lưu và hội nhập có hiệu quả với nền văn hóa sở tại. Bởi vậy, làm tốt việc bảo tồn và truyền bá văn hóa dân tộc chính là cách tốt nhất để củng cố và nâng cao địa vị của chính mình.

Để hỗ trợ cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài **bảo tồn** văn hóa dân tộc, hiện có thể quan sát thấy có ba loại hoạt động nổi bật. **Thứ nhất** là *hoạt động truyền thông* với kênh Truyền hình đối ngoại VTV4 của Đài Truyền hình Việt Nam và chương trình phát thanh “Dành cho đồng bào Việt Nam ở xa Tổ quốc” của Đài tiếng nói Việt Nam. **Thứ hai** là *hoạt động hỗ trợ dạy và học tiếng Việt* với đề án “Hỗ trợ việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài” do Bộ Giáo dục - Đào tạo chủ trì thực hiện từ năm 2005 với kinh phí 60 tỷ đồng, và đề án “Đẩy mạnh công tác dạy tiếng Việt đối với người Việt Nam ở nước ngoài từ nay đến năm 2020” của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài. **Thứ ba** là các *hoạt động về nguồn* có tính thường niên chủ yếu do Quỹ Hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (thành lập năm 2002, thuộc Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài) tổ chức như *Trại hè Việt Nam* dành cho thanh niên, sinh viên người Việt Nam ở nước ngoài; các chuyến kiêu bào tiêu biểu về thăm đất nước nhân các sự kiện quan trọng như Tết cổ truyền dân tộc, Giỗ Tổ, các ngày lễ lớn... [Nguyễn Hà Linh 2012; Vũ Hoàng Anh 2012].

Để hỗ trợ cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài **truyền bá** văn hóa dân tộc, hiện

có thể quan sát thấy cũng có ba loại hoạt động nổi bật. Thứ nhất là việc tổ chức *các đoàn nghệ thuật đi giao lưu, biểu diễn* tại những địa bàn có đông kiều bào sinh sống như Bắc Mỹ, Châu Âu, Thái Lan... Thứ hai là việc tổ chức các “*Tuần lễ Văn hóa*”, các chương trình “*Duyên dáng Việt Nam*”; phối hợp với nước sở tại tổ chức các *Lễ hội văn hóa Việt Nam*, “*Ngày Văn hóa Việt Nam*”... Thứ ba là việc thành lập các *trung tâm văn hóa Việt Nam tại các nước* (đến nay mới có hai trung tâm tại Viêng Chăn (Lào) và tại Paris (Pháp) do Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch quản lý) [Nguyễn Hà Linh 2012; T.H. 2012].

3.2. Sáu loại hoạt động kể trên do Nhà nước thực hiện là cần thiết, song phần lớn thiên về những hoạt động mang tính *bị động* và *nhất thời* (kể cả các hoạt động mang tính thường niên như trại hè hay ngày văn hóa / tuần văn hóa), do vậy hiệu quả không cao. Thuộc loại hoạt động thường xuyên chỉ có hoạt động truyền thông phục vụ chủ yếu cho bảo tồn, hoạt động thành lập các trung tâm văn hóa phục vụ chủ yếu cho truyền bá, song còn quá yếu.

Để tăng cường tính chủ động và tính hiệu quả trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cùng với họ truyền bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, chúng tôi đề xuất năm biện pháp mang tính thường xuyên sau đây:

(1) Cần sớm thành lập hệ thống các *Nhà văn hóa Việt Nam* có tầm vóc tại các nước và vùng lãnh thổ có đông người Việt Nam ở nước ngoài cư trú; có cơ chế quản lý hiệu quả để tổ chức này phải vừa là nơi hội tụ trí tuệ và tình

cảm của người Việt Nam ở nước ngoài, vừa thực hiện được chức năng *xúc tiến trao đổi ngôn ngữ và văn hóa* theo mô hình như Viện trao đổi văn hóa Pháp, Hội đồng Anh, hay Học viện Goethe của Đức, Học viện Khổng Tử của Trung Quốc...;

(2) Cần *thành lập một dạng “tạp chí DVD”* chuyên sưu tập các chương trình truyền hình, các phim tài liệu, phóng sự giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, v.v.; mỗi quý ra một số, cung cấp định kỳ cho các loại đối tượng như ngành Việt Nam học ở các trường đại học, các viện nghiên cứu của các nước; các tổ chức của người Việt Nam ở nước ngoài; các tổ chức ngoại giao, lưu học sinh, lao động xuất khẩu Việt Nam ở nước ngoài, v.v.

(3) Đồng thời, *quảng bá rộng rãi ra bên ngoài các ấn phẩm văn hóa Việt Nam có giá trị cao và tăng cường xuất bản các ấn phẩm văn hóa Việt Nam bằng tiếng nước ngoài* để vừa quảng bá cho bạn bè quốc tế, vừa giúp các thế hệ trẻ kiều bào có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với văn hóa Việt Nam;

(4) Nên *lập một giải thưởng* (có thể là hai năm một lần) dành cho các tập thể và cá nhân kiều bào có đóng góp lớn trong việc bảo tồn văn hóa Việt Nam và tiếng Việt, những công trình nghiên cứu có giá trị về văn hóa Việt Nam của giới trí thức kiều bào;

(5) Nên có hình thức *tập hợp và khai thác trí tuệ của kiều bào* đóng góp cho đất nước trong những vụ việc quan trọng (để làm ví dụ, có thể nhắc đến tạp chí “Thời Đại Mới” đã công bố nhiều bài viết rất có giá trị về vấn đề biển Đông của các trí thức Việt kiều trong các

số 11, tháng 7-2007; 18, tháng 3-2010; 19, tháng 7-2010; 20, tháng 11-2010). Có thể thấy tiềm năng của đội ngũ trí thức người Việt Nam

ở nước ngoài còn rất lớn chưa được Nhà nước tận dụng khai thác. Về hướng hoạt động này, Trung Quốc đã làm tốt hơn ta rất nhiều.

OVERSEAS VIETNAMESE COMMUNITY WITH THE PRESERVATION AND DISSEMINATION OF NATIONAL CULTURE

Tran Ngoc Them

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *This paper focuses on the following contents: (1) overseas Vietnamese community with the preservation of national culture; (2) overseas Vietnamese community with the mission to disseminate national culture; (3) the active support of the State and some proposals. This paper was presented at the 2nd Conference of the Overseas Vietnamese Community “Vision towards 2020 – the Overseas Vietnamese Community's Integration and Development with the Nation” held in Ho Chi Minh City on September 27-28, 2012.*

Keywords: *overseas Vietnamese community, national cultural, cultural preservation and dissemination.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo Dân trí, *Nữ ký giả Việt kiều nổi tiếng trên đất Mỹ*. - <http://www.tgvn.com.vn/Item/VN/KieuBao/2008/12/9A57E44C5BD9683B/> (2008).
- [2]. Hoàng Đình, *Ba bông hoa Việt trên truyền hình Mỹ*, <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20120707/ba-bong-hoa-viet-tren-truyen-hinh-my.aspx> (2012).
- [3]. Huy Ngọc, *Natalie Trần tài sắc vẹn toàn*. - [http://congnghe.nld.com.vn/243002p0c1](http://congnghe.nld.com.vn/243002p0c122/natalie-tran-tai-sac-ven-toan.htm)
- [4]. Nguyễn Hà Linh, *Công tác giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và tiếng Việt trong cộng đồng NVNONN: Những vấn đề đặt ra*, <http://quehuongonline.vn/VietNam/Home/Nguoi-Viet-o-nuoc-ngoai/Tin-cong-dong/2012/09/481054AF/> (2012).
- [5]. Quang Thi, *Phở Việt xứ Hàn*. - <http://vietbao.vn/Nguoi-Viet-bon-phuong/Pho-Viet-xu-Han/45252036/283/> (2007).

- [6]. T.H., *Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài: Cầu nối trong quan hệ văn hóa đối ngoại.* - <http://www.cinet.gov.vn/ArticleDetail.aspx?articleid=66362&sitepageid=74> (2012).
- [7]. Báo Tiền Phong, *Một người Việt giành 12 giải thưởng của IBM.* - <http://www.tgvn.com.vn/Item/VN/KieuBao/2008/11/B869736B77E304AD/> (2008).
- [8]. Báo Tiền Phong, *Nhạc sư Việt – Di sản quốc gia Mỹ.* - <http://www.tgvn.com.vn/Item/VN/KieuBao/2009/2/1551134B110DA5E7/> (2009).
- [9]. Báo Tuổi Trẻ, *Con đường trở thành phó chủ tịch Yahoo! của Lương Vĩnh Tước.* - <http://www.tgvn.com.vn/Item/VN/KieuBao/2008/8/62C8D90619162705/> (2008).
- [10]. Trần Ngọc Thêm, *Kim Định với việc nghiên cứu văn hóa Việt Nam.* - <http://vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-co-trung-dai-o-viet-nam/2253-tran-ngoc-them-kim-dinh-voi-viec-nghien-cuu-van-hoa-viet-nam.html> (2012).
- [11]. Trần Trọng Đăng Đàn, *Người Việt Nam ở nước ngoài.* – H.: Nxb Chính trị Quốc gia, 662 (1997).
- [12]. Trần Văn Khê, *Người Việt binh vực thi ca Việt tại Paris.* - <http://www.tranvankhe.vn/2011/07/20/nguoi-viet-binh-vuc-thi-ca-viet-tai-paris> (2007).
- [13]. Báo VietNamNet, *Chân dung của nghệ sĩ Mỹ gốc Việt đầu tiên.* - <http://www.tgvn.com.vn/Item/VN/KieuBao/2008/12/DF1DAEB81BE67D69/> (2008).
- [14]. Viện Việt học, *Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích.* - <http://www.viethoc.com/Ban-Ging-Hun/nguyen-ngoc-bich> (2011).
- [15]. VTC News, *9 người gốc Việt "ghi điểm" với thế giới năm 2011.* - <http://quehuongonline.vn/VietNam/Home/Nguoi-Viet-o-nuoc-ngoai/Guong-mat/2011/12/42482953/> (2011).
- [16]. Vũ Hoàng Anh, *Quý hỗ trợ, vận động cộng đồng NVNONN: Hỗ trợ và đồng hành cùng cộng đồng.* - <http://quehuongonline.vn/VietNam/Home/Hoi-nghi-nguoi-Viet-Nam-o-nuoc-ngoai/Hoi-nghi-nguoi-Viet-Nam-o-nuoc-ngoai-toan-the-gioi-lan-thu-hai/2012/09/481054AC/> (2012).